HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 63/2026/NQ-HĐND	*Vĩnh Long, ngày 10 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho các xã, phường thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Nghị định số 387/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ quy định nội dung, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Xét Tờ trình số 1297/TTr-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho các xã, phường thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc,

tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho các xã, phường thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2026.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho các xã, phường thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2026.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 11 năm 2026.

5. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa XI, Kỳ họp chuyên đề lần thứ Năm thông qua ngày 10 tháng 11 năm 2026.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm thông tin điều hành;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Nguyễn Minh Dũng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho các xã, phường thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/2026/NQ-HĐND)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho các xã, phường thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2026 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến thực hiện Chương trình.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

1. Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15), Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và các văn bản pháp luật có liên quan; bảo đảm đúng thẩm quyền, công khai, minh bạch, hiệu quả và tiết kiệm.

2. Bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình đến năm 2030, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đầu tư trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung vào các nội dung cần ưu tiên thực hiện trước nhằm tạo đột phá trong phát triển văn hóa, cụ thể:

a) Các nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; xây dựng, phát triển con người Vĩnh Long toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững;

b) Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa các cấp; đầu tư các nhiệm vụ mang tính nền tảng, dẫn dắt, tạo môi trường thuận lợi thu hút các nguồn lực xã hội tham gia phát triển văn hóa, nhất là phát triển các ngành công nghiệp văn hóa;

c) Các nhiệm vụ về đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa;

d) Hỗ trợ các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm thu hẹp khoảng cách thụ hưởng văn hóa giữa các vùng.

4. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ (bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp) và nguồn vốn ngân sách tỉnh, vốn được phân bổ phải bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, hoạt động của các chương trình mục tiêu quốc gia khác; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp theo quy định của pháp luật, phát huy tính chủ động, trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện.

5. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ để triển khai thực hiện đối với các nội dung: Phát triển con người Việt Nam có nhân cách, lối sống tốt đẹp; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, phát triển hệ thống hạ tầng, cảnh quan, thiết chế văn hóa đồng bộ, hiệu quả; truyền dạy, nâng cao khả năng tiếp cận văn hóa và thông tin tuyên truyền, giáo dục văn hóa; bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; phát triển văn hóa, nghệ thuật; phát triển công nghiệp văn hóa và hệ sinh thái sáng tạo; chuyển đổi số và ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực văn hóa; phát triển nguồn nhân lực văn hóa, nghệ thuật; hội nhập quốc tế và quảng bá văn hóa Việt Nam.

Điều 4. Tiêu chí, hệ số phân bổ

1. Nhóm tiêu chí chung

Nhóm tiêu chí chung và điểm theo nhóm tiêu chí chung của địa phương thứ I, ký hiệu là $P_{chung,i}$.

a) Tiêu chí theo đơn vị hành chính cấp xã, ấp ($P_{HC,i}$)

Mức phân bổ vốn của từng địa phương theo tiêu chí này được xác định bằng hệ số phân bổ quy định tại khoản này nhân với số lượng xã, ấp, phường, khu phố tương ứng của địa phương, cụ thể như sau:

- Ấp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tính 01 điểm;

- Xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã, phường an toàn khu, xã đảo được tính 45 điểm.

- Xã Khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tính 35 điểm;

- Xã Khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tính 30 điểm;

- Xã còn lại được tính 25 điểm;

- Phường được tính 05 điểm.

Trường hợp một xã đồng thời thuộc nhiều nhóm đối tượng nêu tại điểm này thì áp dụng mức cao nhất.

b) Tiêu chí theo tỷ lệ số bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương (P BC,i).

Căn cứ tỷ lệ số bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương so với tổng cân đối ngân sách địa phương, để xác định hệ số điểm.

c) Tiêu chí theo quy mô dân số (P DS,i)

Căn cứ quy mô dân số của xã, phường, hệ số điểm được xác định như sau:

- Quy mô dân số dưới 40 ngàn người thì được tính 100 điểm;

- Quy mô dân số từ 40 ngàn người đến dưới 70 ngàn người thì được tính 200 điểm;

- Quy mô dân số từ 70 ngàn người đến dưới 90 ngàn người thì được tính 400 điểm;

- Quy mô dân số từ 90 ngàn người trở lên thì được tính 550 điểm.

d) Tiêu chí theo quy mô diện tích (P DT,i)

Căn cứ quy mô diện tích tự nhiên của xã, phường, hệ số điểm được xác định như sau:

- Quy mô diện tích dưới 30 km^2 thì được tính 100 điểm;

- Quy mô diện tích từ 30 km^2 đến dưới 50 km^2 được tính 200 điểm;

- Quy mô diện tích từ 50 km^2 đến dưới 70 km^2 được tính 250 điểm;

- Quy mô diện tích từ 70 km^2 trở lên được tính 350 điểm.

2. Tiêu chí xác định nhu cầu và mức ưu tiên đầu tư theo từng lĩnh vực:

Tiêu chí xác định nhu cầu và mức độ ưu tiên đầu tư về bảo tồn, phát huy giá trị di tích (P VH,i).

Điểm của từng xã, phường theo tiêu chí này được xác định bằng mức điểm quy định tại điểm này nhân với số lượng di tích tương ứng trên địa bàn, cụ thể như sau:

- Di tích quốc gia đặc biệt được tính 25 điểm/di tích;

- Di tích quốc gia được tính 10 điểm/di tích.

Điều 5. Phương pháp xác định tổng điểm và mức vốn phân bổ

a) Tổng điểm của địa phương thứ i được xác định theo công thức sau:

$P_{đt,i} = P_{chung,i} + P_{riêng,i}$

Trong đó:

$P_{đt,i}$ là tổng số điểm tính phân bổ vốn đầu tư phát triển của địa phương thứ i;

P chung,i là tổng số điểm của địa phương thứ i theo nhóm tiêu chí chung quy định tại khoản 1 Mục này, được xác định bằng tổng điểm của 04 tiêu chí: đơn vị hành chính cấp xã, ấp (P HC,i); tỷ lệ dân số bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương (P BC,i); quy mô dân số (P DS,i); quy mô diện tích (P DT,i)

P riêng,i là tổng số điểm của địa phương thứ i theo tiêu chí xác định: bảo tồn, phát huy giá trị di tích (P VH,i)

$$P_{chung,i} = P_{HC,i} + P_{BC,i} + P_{DS,i} + P_{DT,i}$$

$$P_{riêng,i} = P_{VH,i}$$

Điểm theo từng tiêu chí quy định tại khoản 2 Mục này được quy đổi trước khi xác định P riêng,i theo công thức:

$$P_{k,i} = W_{ĐT,K} \times \frac{P_{0k,i}}{\sum P_{0k}} \times P_{0\,ƯT,\,ĐT}$$

Trong đó:

P k,i là điểm sau quy đổi của địa phương thứ i theo tiêu chí k;

W ĐT,K là hệ số cơ cấu của tiêu chí k, xác định theo tỷ trọng vốn đầu tư công ngân sách Trung ương dự kiến bố trí cho nội dung đầu tư tương ứng trong cơ cấu nguồn lực của Chương trình được cấp thẩm quyền quyết định, tổng các hệ số bằng 1;

P 0k,i là điểm trước quy đổi của địa phương thứ i theo tiêu chí k;

$\sum$ P 0k là tổng điểm trước quy đổi theo tiêu chí k của các địa phương thuộc đối tượng áp dụng;

P 0 ƯT, ĐT là tổng điểm trước quy đổi của các tiêu chí quy định tại khoản 2 mục này của tất cả các xã, phường;

Trường hợp tiêu chí không phát sinh điểm, hệ số cơ cấu của tiêu chí đó được phân bổ lại cho các tiêu chí còn lại theo tỷ trọng tương ứng.

b) Mức vốn đầu tư công ngân sách trung ương phân bổ cho địa phương thứ i được xác định theo công thức sau:

$$V_{NSTW,ĐTPT,i} = \frac{P_{đt,i}}{\sum P_{đt,k}} \times V_{NSTW,ĐTPT,ĐP}$$

Trong đó:

- V NSTW, ĐTPT, i là mức vốn đầu tư công ngân sách Trung ương phân bổ cho địa phương thứ i;

- P đt, i là tổng số điểm tính phân bổ vốn đầu tư phát triển của địa phương thứ i;

- ∑ P đt, k là tổng số điểm tính phân bổ vốn đầu tư phát triển của toàn địa phương thuộc đối tượng được phân bổ;

- V NSTW, ĐTPT, ĐP là tổng nguồn vốn đầu tư công ngân sách trung ương được bố trí để phân bổ cho địa phương sau khi trừ phần vốn bố trí thực hiện cho các sở, ngành.

Điều 6. Nguồn kinh phí và vốn đối ứng của ngân sách địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ bổ sung có mục tiêu cho địa phương; vốn ngân sách tỉnh đối ứng theo tỷ lệ quy định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát số liệu, xác định đối tượng, nhu cầu và mức vốn phân bổ; hướng dẫn các xã, phường lập kế hoạch, tổ chức thực hiện; công khai phương án phân bổ; kiểm tra giám sát việc quản lý, sử dụng vốn.